

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tiến Chung và ông Lê Văn Thọ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện VKSND huyện VN, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2021/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Thăng Nhật H**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 16 tháng 7 năm 1993; Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: xóm AP, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Thăng Quang Đ, sinh năm 1972 và bà Phạm Kim O, sinh năm 1967; Anh chị em ruột: gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 01; Vợ: Trần Thị T, sinh năm 1995; Con: Thăng Thùy N, sinh năm 2020.

- Tiền án: 01 (Ngày 25/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc theo Bản án số 25/2020/HS-ST. Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách).

- Tiền sự: Không

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/01/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện VN.

- **Bị hại:** Chị Nông Thị Thu Tr, sinh năm 1989, có mặt;

Địa chỉ: Xóm TT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Dương Lê H1, sinh năm 1981, có mặt;

Địa chỉ: Xóm TT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1979, vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 12, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Đặng Văn T, sinh năm 1990, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm LG, xã KM, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Dương Văn Q, sinh năm 1989, có mặt;

Địa chỉ: Xóm TT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Trương Văn H2, sinh năm 1996, vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ TH, phường ĐB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Mai Văn Đ1, sinh năm 1986, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm VC, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Phạm Việt C, sinh năm 1997, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm CS 3, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Phùng Văn T1, sinh năm 1994, vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố TT 1, phường ĐB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

- Người làm chứng:

+ Anh Trần Quốc H3, sinh năm 2000, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm DL, xã PX, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bà Phạm Kim O, sinh năm 1967, có mặt;

Địa chỉ: Xóm AT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bà Đặng Thị L, sinh năm 1972, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm TT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Nguyễn Trung H4, sinh năm 1991, vắng mặt;

+ Chị Tăng Thị Th, sinh năm 1986, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Xóm LĐ, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Chị Trần Thị L1, sinh năm 1979, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm C, xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Ông Lê Quảng B1, sinh năm 1969, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm ĐK, xã DT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Chị Lê Thị H5, sinh năm 1973, vắng mặt;

+ Chị Trần Thị H6, sinh năm 1978, vắng mặt;
 Cùng địa chỉ: Xóm ĐC, xã DT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1977, vắng mặt;
 Địa chỉ: Thôn ND, xã VS, huyện BS, tỉnh Lạng Sơn;

+ Chị Trương Thị Th2, sinh năm 1972, vắng mặt;
 + Anh Phan Văn D, sinh năm 1980, vắng mặt;
 + Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1949, vắng mặt;
 Địa chỉ: Thôn VL, xã VL, huyện BS, tỉnh Lạng Sơn.

+ Chị Phan Thị T2, sinh năm 1970, vắng mặt;
 Địa chỉ: Thôn HP 3, xã CT, huyện BS, tỉnh Lạng Sơn.

+ Chị Chu Thị C1, sinh năm 1971, vắng mặt;
 Địa chỉ: Thôn HP 2, xã CT, huyện BS, tỉnh Lạng Sơn.

+ Chị Vi Thị Th3, sinh năm 1995, vắng mặt;
 Địa chỉ: Tổ 6, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Chị Hoàng Thị Ng, sinh năm 1999, vắng mặt;
 Địa chỉ: Xóm CM, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968, vắng mặt;
 Địa chỉ: xóm T, xã LM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Chị Hà Thị H7, sinh năm 1977, vắng mặt;
 + Chị Lê Thị Th4, sinh năm 1985, vắng mặt;
 Cùng địa chỉ: Thôn NH, xã VL, huyện BS, tỉnh Lạng Sơn.

+ Ông Hoàng Văn T3, sinh năm 1974, vắng mặt;
 Địa chỉ: Xóm ND, xã VL, huyện BS, tỉnh Lạng Sơn.

+ Chị Mông Thị Th5, sinh năm 1974, vắng mặt;
 Địa chỉ: Xóm ĐT 2, xã QS, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Lương Văn T4, sinh năm 1984, vắng mặt;
 Địa chỉ: Xóm ĐC, xã LT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Chị Hoàng Thị L3, sinh năm 1983, vắng mặt;
 Địa chỉ: xóm PH, xã PT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 00 phút ngày 12/12/2020 Công an xã TX, huyện VN nhận được tin báo của chị Nông Thị Thu Tr, sinh năm 1989, cư trú tại: xóm TT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, chủ cửa hàng Đại lý HT, có địa chỉ kinh doanh tại xóm TT, xã TX, huyện VN với nội dung cửa hàng của chị vừa nhập một lô hàng của Đại lý TB, có địa chỉ kinh doanh: xóm TT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên do anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1979, cư trú tại số nhà 22, tổ 12, phường CH, thành phố TN làm chủ do nhân viên là Thăng Nhật H, sinh năm 1993, cư trú tại xóm AT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên chuyển đến. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu số lượng hàng nhập vào với hóa đơn bán hàng của Đại lý TB, chị Tr phát hiện số tiền phải thanh toán có sự chênh lệch (số tiền 9.715.000 đồng). Công an xã TX đã lập biên bản sự việc, tạm giữ vật chứng số hàng hóa H giao của Đại lý TB cho cửa hàng nhà chị Tr. Quá trình lập biên bản, H thừa nhận đã dùng thủ đoạn gian dối kê khai số tiền chênh lệch để chiếm đoạt khoảng 150.000.000 triệu của cửa hàng chị Tr. Đồng thời, H giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen của H, chị Tr giao nộp 20 hóa đơn do chị Tr giao dịch với đại lý TB cho Công an xã TX. Ngày 14/12/2020, Công an xã TX đã chuyển hồ sơ cùng tài liệu đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VN tiến hành xác minh và điều tra theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định: Từ đầu tháng 8/2019 Thăng Nhật H đến làm thuê cho đại lý TB có địa chỉ tại số nhà 22, tổ 12, phường CH, thành phố TN do anh Nguyễn Đình B là chủ, nhiệm vụ làm công nhân bốc vác, giao hàng. Từ giữa tháng 8/2020 do quen biết một số quán tạp hóa tại huyện BS, tỉnh Lạng Sơn và các xã TX, DT, BL, LM của huyện VN nên H đã xin anh B được thực hiện việc đi kê hóa đơn, phụ trách giao bán hàng hóa, mở rộng thị trường bán hàng tại khu vực trên và được anh B đồng ý. Từ đó mỗi tuần hai lần H đi đến các cửa hàng thống kê các mặt hàng cần nhập, sau đó về đưa cho anh B để vào sổ liệu hóa đơn, đến hôm sau H cùng với lái xe, nhân viên bốc vác đi trên một xe ô tô đến các cửa hàng trên để giao hàng. Khi giao hàng H đọc hóa đơn để lái xe, người bốc vác dỡ hàng xuống, sau đó H trực tiếp cùng chủ các cửa hàng kiểm đếm, thanh toán tiền, cuối ngày về H tắt toán tiền cho anh B (lái xe và người bốc hàng thường có thay đổi).

Trong quá trình đi giao hàng H đã tiếp cận tư vấn hàng hóa với cửa hàng “HT” ở xóm TT, xã TX do chị Nông Thị Thu Tr, là chủ và được chị Tr đồng ý mua hàng. H và chị Tr thống nhất mỗi tuần H giao hàng cho chị Tr 02 lần vào các ngày thứ 3 và thứ 7. Do vậy hàng tuần vào thứ 2 và thứ 6 Hoàng đi đến để thống kê các mặt hàng mà chị Tr thiếu để lên hóa đơn.

Trong các lần đầu đến giao hàng H sử dụng hóa đơn mà đại lý TB xuất ra, qua quan sát H thấy khi nhập hàng chị Tr chỉ kiểm tra số lượng hàng hóa, giá tiền của từng mặt hàng theo hóa đơn mà không cộng lại tổng số tiền của hóa đơn, mặt khác thấy chị Tr thích được mua các mặt hàng có giá rẻ và chiết khấu cao nên H đã nảy sinh ý định làm sai lệch hóa đơn bán hàng của cửa hàng TB để chiếm đoạt tiền của chị Tr. Cụ thể trong đầu tháng 10/2020 khi giao hàng H không sử dụng hóa đơn của

đại lý TB mà H tự viết tay hóa đơn trên giấy sau đó thêm, bớt một số mặt hàng, điều chỉnh giảm giá hàng hóa, tự đưa ra chiết khấu hàng hóa, tuy nhiên phần tổng tiền chị Tr phải thanh toán H đã cố ý viết cao hơn so với giá trị thực của đơn hàng mà chị Tr nhận được. Do tin tưởng H nên chị Tr đã không kiểm tra lại hóa đơn và đã thanh toán đầy đủ tiền cho H. Sau đó chị Tr đã hỏi H lý do sử dụng hóa đơn viết tay, H nói do chị Tr lấy một số mặt hàng ngoài danh mục đại lý TB có và bận việc nên H không đánh máy hóa đơn được. Do sợ bị phát hiện hành vi gian dối nên trong các lần giao hàng ngày 09/10/2020, 16/10/2020, 19/10/2020 cho chị Tr, H đã sử dụng hóa đơn của đại lý TB, tuy nhiên trong quá trình cộng tổng của hóa đơn H đã cố ý cộng sai lệch số tiền chị Tr phải thanh toán (hóa đơn ngày 9/10) hoặc chỉ sử dụng 1 mặt của hóa đơn của đại lý TB mặt còn lại H viết tay các sản phẩm lấy thêm, chiết khấu và tăng tổng tiền chị Tr phải thanh toán lên. Sau khi thấy chị Tr đã tin tưởng thì đến cuối tháng 10/2020 (các ngày 23/10/2020; 26/10/2020 và 01/11/2020) H không xác định được chính xác ngày chỉ xác định được là trong tháng 10/2020) H tiếp tục lấy lý do vì chị Tr lấy thêm hàng hóa ngoài nhà anh B nên H sử dụng hóa đơn viết tay và nâng phần tổng giá trị hàng hóa chị Tr phải thanh toán lên. Do tin tưởng các thông tin H đưa ra là thật nên chị Tr đã thanh toán đầy đủ tiền cho H.

Từ đầu tháng 11/2020 do thấy việc viết tay hóa đơn có thể bị chị Tr phát hiện, mặt khác biết chị Tr khi nhận hàng có hóa đơn của đại lý TB sẽ tin tưởng không cộng phần tổng tiền cần thanh toán nên H đã nảy sinh ý định thuê người đánh máy theo mẫu hóa đơn của đại lý TB nhưng phần hàng hóa, giá từng sản phẩm, chiết khấu và phần tổng tiền cần thanh toán được ghi theo số liệu mà H đưa ra. Qua nói chuyện với Phùng Văn T1, sinh năm: 1994, nơi cư trú: Tổ dân phố TT 1, phường DB, thành phố TN là người làm thuê cùng ở đại lý TB, H biết T1 có bạn là Phạm Việt C, sinh năm: 1997, nơi cư trú: Xóm CS 3, xã SC, thành phố TN là người mở quán phở tô Coppy, in ấn, quảng cáo nên H đã xin T1 số điện thoại của C. Sau đó H gọi điện thuê C đánh máy mẫu hóa đơn của đại lý TB, mỗi hóa đơn giá 10.000 đồng, C đồng ý. H gửi ảnh mẫu hóa đơn của đại lý TB cho C, sau đó gửi bản viết tay kê danh mục hàng hóa, đơn giá, chiết khấu, tổng tiền cần thanh toán và yêu cầu C nhập vào mẫu hóa đơn. Trong lần đầu H trả cho C 10.000 đồng tiền công, các lần sau do quen biết nên C không lấy tiền. Từ đầu tháng 11/2020 H bắt đầu sử dụng hóa đơn đánh máy để giao hàng cho chị Tr. Do thấy hóa đơn đánh máy có tên của đại lý TB nên chị Tr tin tưởng không cộng lại hóa đơn và đã thanh toán đầy đủ tiền cho H (trong lần mua hàng ngày 08/12/2020 chị Tr không đủ tiền nên đã gọi điện thỏa thuận với anh B để viết giấy nợ 10.000.000 đồng, số tiền còn lại chị Tr đã trả đủ cho H). Đến trưa ngày 12/12/2020 H đến để lại hàng hóa, hóa đơn tại nhà chị Tr rồi đi giao hàng tiếp dự định để cuối ngày quay lại kiểm đếm và lấy tiền hàng. Lúc này chị Tr và chồng đã cộng lại hóa đơn thấy số tiền chị Tr phải thanh toán ghi trong hóa đơn cao hơn so với giá trị thật của hàng hóa nên đã tìm lại được 19 hóa đơn mà H đã giao cho chị Tr trước đó, khi cộng lại các hóa đơn đã phát hiện tất cả đều bị sai lệch đã trình báo đến Công an xã TX.

Tiến hành cộng 20 hóa đơn do chị Tr giao nộp thấy số tiền chị Tr đã thanh toán cho H, số tiền hàng thực tế ghi trong hóa đơn và số tiền chênh lệch mà chị Tr bị thiệt hại như sau:

STT	Ngày viết hóa đơn	Tiền hàng thực tế của hóa đơn (ĐVT: đồng)	Tiền chị Trang đã thanh toán cho Hoàng (ĐVT: đồng)	Số tiền chị Trang bị thiệt hại (ĐVT: đồng)
1	02/10/2020	15.557.000	32.478.000	16.921.000
2	09/10/2020	15.370.000	16.800.000	1.430.000
3	16/10/2020	19.757.000	23.600.000	3.843.000
4	19/10/2020	14.535.000	21.040.000	6.505.000
5	23/10/2020	13.183.000	19.075.000	5.892.000
6	26/10/2020	10.554.000	18.230.000	7.676.000
7	31/10/2020	16.738.000	30.010.000	13.272.000
8	02/11/2020	9.619.000	15.600.000	5.981.000
9	06/11/2020	12.254.000	20.000.000	7.746.000
10	09/11/2020	6.600.000	15.600.000	9.000.000
11	13/11/2020	14.769.000	22.444.000	7.675.000
12	16/11/2020	17.491.000	25.052.000	7.561.000
13	20/11/2020	10.940.000	17.700.000	6.760.000
14	24/11/2020	13.100.000	23.100.000	10.000.000
15	27/11/2020	23.220.000	33.000.000	9.780.000
16	30/11/2020	12.559.000	20.235.000	7.676.000
17	04/12/2020	12.165.000	21.760.000	9.595.000
18	07/12/2020	23.084.000	34.091.000	11.007.000
19	Không rõ ngày	6.766.000	8.200.000	1.434.000
Tổng		268.261.000	418.015.000	149.754.000
20	11/12/2020	11.087.000	20.830.000	9.743.000
Ghi chú: Mục 20 chưa thanh toán tiền				

Tại cơ quan điều tra bị cáo Thăng Nhật H khai nhận: Trong quá trình giao hàng cho cửa hàng “HT”, H đã lợi dụng việc chị Tr chủ quan, tin tưởng hóa đơn và tin tưởng vào H nên không cộng lại tổng số tiền hàng, do vậy H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị Tr. H đã tự lên danh sách các mặt hàng nhà chị Tr thiếu, sau đó tự

viết tay hóa đơn, khi chị Tr có thắc mắc do sợ bị phát hiện nên H đã dùng hóa đơn của đại lý TB để bán hàng. Tuy nhiên H đã lấy lý do vì chị Tr mua một số mặt hàng ngoài đại lý TB nên H đã viết tay phần mua hàng thêm và tổng tiền phải thanh toán của hóa đơn qua đó nâng cao số tiền phải thanh toán so với giá trị thực của hàng hóa. Tiếp đó H lợi dụng việc chị Tr nghĩ khi xuất hóa đơn bằng máy tính sẽ không sai lệch kết quả tổng nên chị Tr không cộng lại tổng tiền của hóa đơn. Do vậy H đã thuê C đánh máy, làm giả hóa đơn của đại lý TB. Trong hóa đơn H cố tình giảm giá một số sản phẩm, tự đề ra chiết khấu sản phẩm để chị Tr tin và nhập hàng nhiều hơn. Tuy nhiên phần tổng tiền hàng phải thanh toán H ghi cao hơn nhiều so với tổng tiền của từng mục hàng hóa cộng lại, khi chị Tr thanh toán H đã chiếm đoạt phần chênh lệch tiền đó. Số tiền chiếm đoạt được của chị Tr, H đã sử dụng 1 phần để bù vào tổng tiền trả cho đại lý TB vì H đã bán hàng giảm giá cho một số cửa hàng khác để mở rộng thị trường. Tiến hành làm việc với các cửa hàng mà H đã giao hàng xác định từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2020 H tự bán giảm giá cho cửa hàng “SD” ở xóm T, xã LM do bà Nguyễn Thị S là chủ 1.790.000 đồng; 01 hóa đơn ngày 21/8/2020 tên khách hàng “Bà xây ngả hai” do bà Hoàng Thị X, sinh năm: 1949 ở thôn VL, xã VL, huyện BS, tỉnh Lạng Sơn có số tiền giảm trừ là 229.000 đồng; Cửa hàng của ông Lê Quảng B1 ở xóm ĐK, xã DT được giảm trừ số tiền là 1.857.000 đồng. Một phần khác H cho anh Đặng Văn T, sinh năm: 1990, nơi cư trú: Xóm LG, xã KM, huyện ĐH là lái xe của đại lý TB đi cùng H 2.500.000 đồng, cho Phùng Văn T1 là lái xe của đại lý TB 1.200.000 đồng, cho Dương Văn Q là lái xe 200.000 đồng, cho Mai Văn Đ1, sinh năm: 1986, nơi cư trú: Xóm VC, xã HT, huyện ĐH là lái xe số tiền 800.000 đồng; Cho anh Trương Văn H2 sinh năm: 1996, nơi cư trú: Tò TH, phường ĐB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên là người bốc vác hàng cùng xe với H số tiền 800.000 đồng; trả công cho C đánh máy 10.000 đồng, mua một số quần, áo cho chị Tr, anh H1 và điện thoại di động cho chị Nông Ngọc A, sinh năm: 2000 là em gái chị Tr (tổng số tiền khoảng 03 triệu), số tiền còn lại H dùng trả nợ dịch vụ vay tiền Mcredit thuộc Công ty tài chính TNHH MB Shinsei mỗi tháng 1.650.000 đồng (đã nộp tháng 10, 11, 12/2020) và chi tiêu cá nhân hết. H khai việc H cho tiền các anh H2, Q, Đ1, T, T1, C và cho chị A điện thoại là vì tình cảm cá nhân. H thực hiện hành vi phạm tội một mình, không bàn bạc, trao đổi hay nói cho ai biết. Khi cho tiền, tài sản H không nói cho các anh H2, Q, Đ1, T, T1, C và chị A biết là tiền, tài sản do H phạm tội mà có. Khi thuê Phạm Việt C đánh máy hóa đơn của đại lý TB, H không nói cho C biết việc mình sử dụng các hóa đơn để thực hiện hành vi phạm tội.

Lời khai nhận của Thăng Nhật H phù hợp với biên bản sự việc, vật chứng thu giữ, lời khai bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Do có hành vi trên tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKSVN ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Thăng Nhật H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện VN luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Thăng Nhật H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài

sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Sau khi đánh giá chứng cứ đã đề nghị xử phạt đối với bị cáo như sau:

Hình phạt chính:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Thăng Nhật H từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 25/2020/HS-ST ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐH xử phạt, buộc bị cáo phải chịu chung cho hai bản án từ 36 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 07/01/2021, được trừ đi thời hạn bị tạm giữ của Bản án 25/2020/HS-ST ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐH từ ngày 18/3/2020 đến ngày 21/3/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo phong cộc tay màu xanh, vàng phía sau lưng áo in số 9 có dòng chữ “TẬP HÓA HUY TRANG” màu đen; 01 áo khoác màu xanh dài tay có chữ REDBULL màu đỏ in ở cổ áo, ngực áo bên trái và sau lưng áo; 01 áo nỉ màu xám dài tay 2 bên cánh tay có sọc kẻ xanh phía sau lưng áo in chữ “TẬP HÓA HUY TRANG” màu trắng; 01 quần nỉ màu xám ống quần trái có ghi chữ ADIDAS, hai ống quần có sọc màu xanh; 01 quần vải màu xám ống hai quần dài, mỗi bên có 02 túi và gấn cúc ở gấu quần; 01 áo vải dài tay màu xám phần ngực áo trái có in chữ USA ARMY, ống tay trái có ghi nhãn AIR BORNE;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 phong bì niêm phong kín ký hiệu T1 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6 màu vàng, số IMEI 352066065945685 ốp lưng nhựa màu vàng tạm giữ của chị Nông Thị Thu Trang và số tiền 5.510.000 đồng tiền NHNN Việt Nam hiện đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Công an huyện VN tại Kho bạc Nhà nước huyện VN do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nộp lại tiền thu lợi bất chính của H cho; 01 phong bì niêm phong kín ký hiệu Đ1 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, cũ đã qua sử dụng, ốp nhựa lưng có màu vàng, đen số IMEI 1: 865966047291014; số IMEI 2: 865966047291006, trong điện thoại có 01 thẻ sim Viettel số thuê bao 0383680526 tạm giữ của Thăng Nhật H.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 149.754.000 đồng cho bị hại chị Tr.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo H nhất trí với bản luận tội và không tranh luận với Viện kiểm sát.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì với Viện kiểm sát.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng xin HĐXX cho hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội sửa chữa trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện VN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với đơn trình báo, lời khai bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 12/2020 tại cửa hàng HT tại xóm TT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên do chị Nông Thị Thu Tr, sinh năm 1989, cư trú tại: xóm TT, xã TX, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên làm chủ. Thăng Nhật H, sinh năm 1993, cư trú tại xóm AT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên bằng thủ đoạn gian dối (đưa ra các thông tin sai lệch về hóa đơn, giá thành hàng hóa, chiết khấu hàng hóa so với hóa đơn của đại lý TB, đồng thời cố ý ghi sai tổng số tiền chị Tr phải thanh toán ở mỗi hóa đơn cao hơn tổng số tiền thực tế của danh mục hàng hóa) làm cho chị Nông Thị Thu Tr tin đó là sự thật, đã chiếm đoạt của chị Nông Thị Thu Tr số tiền 149.754.000 đồng. Đến ngày 12/12/2020 vẫn bằng phương thức trên, H tiếp tục chuyển hàng hóa và hóa đơn bán hàng ghi ngày 11/12/2020 để nhằm chiếm đoạt số tiền là 9.743.000 đồng nhưng chưa nhận được tiền thanh toán (chưa chiếm đoạt được tài sản) thì bị chị Tr kiểm tra, phát hiện và trình báo cơ quan chức năng để giải quyết theo quy định.

Hành vi của bị cáo H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều luật quy định như sau:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng... ”.*

Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất của vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[4]. Xét về ý thức chủ quan thấy: Bản thân bị cáo không ảnh hưởng gì về thể chất tinh thần, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên và tái phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố đẻ là ông Thăng

Quang Đ được Chủ tịch nước tặng Huy chương quân kỳ quyết thắng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Xét về nhân thân thấy: Bị cáo Thăng Nhật H xuất thân từ gia đình làm cán bộ, được gia đình cho ăn học hết lớp 12/12 sau đó được học Trung cấp an ninh. Từ tháng 10/2013 đến tháng 11/2016 công tác tại Công an huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, sau đó ra quân về địa phương lao động tự do. Ngày 25/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện ĐH xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng, bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách. Xét thấy cần phải có một mức án nghiêm khắc cách ly xã hội đối với bị cáo một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung, đồng thời chuyển 6 tháng tù cho hưởng án treo thành tù giam.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo H sống chung với bố mẹ đẻ không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[8]. Về vật chứng vụ án:

- 01 phong bì niêm phong kín ký hiệu T1 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6 màu vàng, số IMEI 352066065945685 ốp lưng nhựa màu vàng

tạm giữ của chị Nông Thị Thu Tr và số tiền 5.510.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện đang gửi tại tài khoản tạm gửi của Công an huyện VN tại Kho bạc Nhà nước huyện Võ Nhai do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nộp lại tiền thu lợi bất chính của Hoàng cho; 01 phong bì niêm phong kín ký hiệu Đ1 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, cũ đã qua sử dụng, ốp nhựa lưng có màu vàng, đen số IMEI 1: 865966047291014; số IMEI 2: 865966047291006, trong điện thoại có 01 thẻ sim Viettel số thuê bao 0383680526 tạm giữ của Thăng Nhật H là công cụ phương tiện H sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 áo phong cộc tay màu xanh, vàng phía sau lưng áo in số 9 có dòng chữ “TẬP HÓA HUY TRANG” màu đen; 01 áo khoác màu xanh dài tay có chữ REDBULL màu đỏ in ở cổ áo, ngực áo bên trái và sau lưng áo; 01 áo ni màu xám dài tay 2 bên cánh tay có sọc kẻ xanh phía sau lưng áo in chữ “TẬP HÓA HUY TRANG” màu trắng; 01 quần nỉ màu xám ống quần trái có ghi chữ ADIDAS, hai ống quần có sọc màu xanh; 01 quần vải màu xám ống hai quần dài, mỗi bên có 02 túi và gấu cúc ở gấu quần; 01 áo vải dài tay màu xám phần ngực áo trái có in chữ USA ARMY, ống tay trái có ghi nhãn AIR BORNE do chị Tr giao nộp cho cơ quan điều tra. Tại phiên Tòa bị hại chị Tr khai số quần áo trên do bị cáo H tặng cho cửa hàng HT và đã sử dụng, chị Tr không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9]. Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra bị cáo H chưa bồi thường cho người bị hại. Do đó buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại chị Tr số tiền 149.754.000 đồng.

[10]. Đối với anh Nguyễn Đình B là chủ đại lý nơi H làm việc khai trong khi giao việc cho H thực hiện đi kiểm kê, bán hàng anh B yêu cầu H phải thực hiện bán hàng theo hóa đơn do nhà anh B xuất ra, các hóa đơn đã niêm yết giá và không có chiết khấu. Việc H tự ý bán hàng bằng hóa đơn viết tay, tự đánh máy hóa đơn anh B không biết. Toàn bộ số tiền bán hàng của các hóa đơn bán hàng trước ngày 12/12/2020 và hàng hóa, tiền bán hàng cho các cửa hàng khác trong ngày 12/12/2020 anh B đã nhận đủ nên không có đề nghị gì HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với Đặng Văn T, Dương Văn Q, Mai Văn Đ1, Trương Văn H2, Phùng Văn T1 và chị Nông Ngọc A là những người được H cho tiền, quá trình điều tra xác định những người trên không biết hành vi phạm tội của H, không biết số tiền, tài sản là do H phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý đối với những người nêu trên.

Đối với Phạm Việt C đã thực hiện việc đánh máy các mẫu hóa đơn của đại lý TB thuê cho H, sau đó H sử dụng các hóa đơn trên để thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác nghề nghiệp của Cg là kinh doanh phô tô copy, đánh máy, in ấn quảng cáo. Do vậy khi có khách thuê C sẽ đánh máy và nhận tiền công. C không biết H sử dụng các hóa đơn trên để thực hiện hành vi phạm tội. Các mẫu hóa đơn gốc của đại lý TB là hóa đơn đánh máy đơn thuần, không có xác nhận của cơ quan nhà nước, do vậy không có căn cứ để xem xét, xử lý đối với C.

Đối với nội dung chị Tr khai ngoài 20 hóa đơn đã cung cấp cho Cơ quan điều tra thì H còn nhiều lần khác giao hàng cho cửa hàng của chị Tr nhưng chị Tr không

có lưu giữ các hóa đơn. Do đó không có tài liệu để đối chiếu, mở rộng điều tra để xác định H có hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Tr trong các lần giao hàng đó hay không.

Đối với các cửa hàng mà H đã giao hàng từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2020, quá trình điều tra mở rộng tại các cửa hàng này đều xác định không bị H làm sai lệch để chiếm đoạt tài sản và không xuất trình được các hóa đơn chứng từ liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản nên không có căn cứ để xác định H đã chiếm đoạt tài sản của các cửa hàng này.

Đối với số hàng hóa của đại lý TB mà Thăng Nhật H giao cho chị Tr ngày 12/12/2020 và bị tạm giữ. Ngày 28/12/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VN ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Đình B.

Đối với 01 chiếc case máy tính và 02 sợi dây kết nối tạm giữ của Phạm Việt C ngày 18/12/2020 xét thấy không phải là vật chứng của vụ án. Ngày 30/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VN ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại cho anh Phạm Việt C các tài sản trên.

[11]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

[12]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện VN tại phiên toà hôm nay về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, khung hình phạt và các vấn đề khác trong vụ án đối với bị cáo là phù hợp với hành vi mà bị cáo gây ra Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Thăng Nhật H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt chính: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65; Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Thăng Nhật H **33 (ba mươi ba)** tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Chuyển 06 tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án số 25/2020/HS-ST ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên thành tù giam. Tổng hợp cả hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **39 (ba mươi chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam từ ngày 07/01/2021 được trừ đi thời gian bị tạm giữ của Bản án số 25/2020/HS-ST ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên từ ngày 18/3/2020 đến ngày 21/3/2020.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Thăng Nhật H trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Tịch thu nộp ngân sách nhà nước*: 01 phong bì niêm phong kín ký hiệu T1 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6 màu vàng, số IMEI 352066065945685 ốp lưng nhựa màu vàng tạm giữ của chị Nông Thị Thu Tr và số tiền 5.510.000 đồng tiền NHNN Việt Nam hiện đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Công an huyện VN tại Kho bạc Nhà nước huyện VN; 01 phong bì niêm phong kín ký hiệu Đ1 bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, cũ đã qua sử dụng, ốp nhựa lưng có màu vàng, đen số IMEI 1: 865966047291014; số IMEI 2: 865966047291006, trong điện thoại có 01 thẻ sim Viettel số thuê bao 0383680526 tạm giữ của Thăng Nhật H.

- *Tịch thu tiêu hủy*: 01 áo phông cộc tay màu xanh, vàng phía sau lưng áo in số 9 có dòng chữ “TẬP HÓA HUY TRANG” màu đen; 01 áo khoác màu xanh dài tay có chữ REDBULL màu đỏ in ở cổ áo, ngực áo bên trái và sau lưng áo; 01 áo nỉ màu xám dài tay 2 bên cánh tay có sọc kẻ xanh phía sau lưng áo in chữ “TẬP HÓA HUY TRANG” màu trắng; 01 quần nỉ màu xám ống quần trái có ghi chữ ADIDAS, hai ống quần có sọc màu xanh; 01 quần vải màu xám ống hai quần dài, mỗi bên có 02 túi và gấu cúc ở gấu quần; 01 áo vải dài tay màu xám phần ngực áo trái có in chữ USA ARMY, ống tay trái có ghi nhãn AIR BORNE.

(Vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN, có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện VN và Chi cục THADS huyện VN ngày 12/5/2021. Số tiền 5.510.000 đồng theo giấy Ủy nhiệm chi số 79 ngày 06/5/2021).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại chị Nông Thị Thu Tr số tiền 149.754.000 đồng *(một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

(Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Thăng Nhật H phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 7.487.700 đồng *(bảy triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm đồng)* án phí dân sự trong vụ án hình sự sung vào Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện VN;
- CQĐT Công an huyện VN;
- T.H.A DS huyện VN;
- Bị cáo; Bị hại;
- Công an xã HT, huyện DH;
- Lưu: HS, VT, T.H.A HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Hương